TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** TỈNH BT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 125/2024/QĐST-DS	*CL, ngày 31 tháng 05 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 05 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1959; địa chỉ: ấp HK, xã VT, huyện CL, tỉnh BT.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Võ Thị Minh T, sinh năm: 1982; địa chỉ: ấp TA, xã TB, huyện MCB, tỉnh BT.

Bị đơn: bà Trần Thị C, sinh năm: 1963; địa chỉ: ấp HK, xã VT, huyện CL, tỉnh BT.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trịnh Đình N, sinh năm: 1964;
- Bà Trịnh Thị Thanh T1, sinh năm 1990;
- Ông Trịnh Tấn P, sinh năm 1995;
- Ông Trịnh Tấn Đ1, sinh năm 1993;
- Ông Trần Văn H, sinh năm: 1973; cùng địa chỉ: ấp HK, xã VT, huyện CL, tỉnh BT.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Tấn P: ông Trịnh Đình N, sinh năm: 1963; địa chỉ: ấp HK, xã VT, huyện CL, tỉnh BT.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tất cả những người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Võ Thị B là bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị C và ông Trần Văn H cùng thống nhất thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ B để lại như sau:

Bà Trần Thị Đ được nhận thừa kế là phần đất, nhà và cây trồng trên đất thuộc thửa 64 tách 2, thửa 66, thửa 72 còn lại, tổng diện tích của ba thửa 1254,2m^2 có tứ cận như sau:

Bắc giáp đường.

Đông giáp thửa 64 tách 3, thửa 101, thửa 102.

Tây giáp thửa 64 tách 1, thửa 72 tách.

Nam giáp thửa 65. Có họa đồ kèm theo.

2. Bà Trần Thị C được nhận thừa kế là phần đất, nhà và cây trồng trên đất thuộc thửa 64 tách 1, thửa 72 tách, tổng diện tích 2.374,4m^2, có vị trí, tứ cận như sau:

Bắc giáp đường.

Đông giáp phần đất của bà Đ.

Tây giáp thửa 71.

Nam giáp thửa 65. Có họa đồ kèm theo.

Và bà Trần Thị C còn được nhận thừa kế là phần đất, nhà và cây trồng trên đất thuộc đối với phần đất thuộc thửa 64 tách 3, 64 còn lại (khu mộ), thửa 102, tổng diện tích 2.582,8m^2, có vị trí, tứ cận như sau:

Bắc giáp đường.

Đông giáp thửa 124.

Tây giáp thửa 101, thửa 72 còn lại, 64 tách 2, thửa 66.

Nam giáp rạch. Có họa đồ kèm theo.

3. Ghi nhận việc ông Trần Văn H từ chối nhận di sản thừa kế mà để lại cho bà C đứng chủ quyền, ông không yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ B.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

Trong trường hợp các đương sự không tự nguyện thực hiện được nội dung đã thỏa thuận nêu trên thì các đương sự có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách ra quyết định cưỡng chế thi hành theo qui định của pháp luật.

2.Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Đ phải chịu án phí đối với phần đất được nhận thừa kế là 1254,2m^2 x 700.000đ/m^2 = 877.940.000đồng x 5%= 19.169.000đồng, nhưng bà

Đ là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo qui định tại Điều 12 Nghị quyết 326.

Bà Trần Thị C phải chịu án phí đối với phần đất được nhận thừa kế là là 4957,2m^2 x 700.000đ/m^2 = 3.470.040.000đồng x 2.5% = 50.700.400đồng, nhưng bà C là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo qui định tại Điều 12 Nghị quyết 326.

Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá thu thập chứng cứ là 16.700.000đồng, bà Trần Thị Đ tự nguyện nộp xong.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện CL;
-Chi cục THADS huyện CL;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA + VP.

THẨM PHÁN

LÊ THỊ THÚY HẰNG